



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

-----***-----

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Số: 8.20../CV-TCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP**
 - Mã chứng khoán: CC1
 - Địa chỉ trụ sở chính: 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam.
 - Điện thoại: 028.38.222.059 Fax: 028.38.290.500
 - Email: info@cc1.vn
- Nội dung của thông tin công bố:

Ngày 06/06/2023, Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP nhận được Bản án số 01/2023/KDTM-ST ngày 25/04/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, Tỉnh Long An về việc Tranh chấp Hợp đồng mua bán.
- Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày ..06../06/2023 tại đường dẫn: <https://www.cc1.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố. *amhung*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Việt Hùng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST

Ngày: 25/4/2023

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng
mua bán"



**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký TAND huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Chí Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2022/TLST- KDTM, ngày 14/12/2022, về việc "Tranh chấp Hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 14/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐST-KDTM ngày 06/4/2023, giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Tổng Công ty xây dựng số 1 – CTCP (CC1)

Trụ sở chính: Số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn Huân – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: bà Bùi Thị Bích Đào – Chuyên viên Phòng Pháp chế (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng 620

Trụ sở chính: Ấp 4, xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Văn Tiến – Tổng GD

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn Tài – Ban cố vấn và bà Nguyễn Thị Xin – Nhân viên (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Tổng Công ty xây dựng số 1 – CTCP do bà Bùi Thị Bích Đào người đại diện theo ủy quyền trình bày trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Tổng Công ty xây dựng số 1 - CTCP (Sau đây gọi tắt là Công ty CC1) đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc số: 1206/18/HĐNT/HT620-CC1 ngày 12/6/2018 (Viết tắt Hợp đồng số 1206) và Hợp đồng nguyên tắc số: 01012021/18/HĐNT/HT620-CC1 ngày 01/01/2021 (Viết tắt Hợp đồng số 01012021) về việc mua bán vật liệu xây dựng với Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng 620 (Sau đây gọi tắt là Công ty 620). Cụ thể là thép xây dựng và các vật tư khác theo từng đơn đặt hàng, theo biên bản giao nhận hàng ngày 30/6/2018 số tiền phải thanh toán là 548.031.875đồng; biên bản giao nhận hàng 27/7/2018 số tiền phải thanh toán là 495.399.465đồng; biên bản giao nhận hàng 31/7/2018 số tiền phải thanh toán là 9.114.644đồng; biên bản giao nhận hàng 31/8/2018 số tiền phải thanh toán là 696.438.644đồng và 473.915.904đồng. Đến ngày 04/8/2020 thì giữa hai bên đã thống nhất đối chiếu công nợ theo đó Công ty 620 còn nợ Công ty CC1 là 2.552.028.360đồng và theo Công văn số 02-0305/2022/CV/BP.CU-HT620 ngày 03/5/2022 về việc cam kết thanh toán công nợ thì Công ty 620 xác nhận đến ngày 03/5/2022, công nợ quá hạn giữa Công ty 620 và Công ty CC1 là 2.428.640.832đồng. Sau đó Công ty 620 có thanh toán một phần tiền cho Công ty CC1 nên hiện tại chỉ còn nợ lại số tiền là 2.047.399.975đồng. Công ty 620 hẹn từ tháng 5/2022 công ty sẽ thanh toán tối thiểu 100.000.000đồng/tháng để xử lý phần công nợ giữa hai bên. Tuy nhiên, từ khi hẹn đến nay Công ty 620 vẫn không thực hiện đúng như cam kết mặc dù Công ty CC1 đã liên hệ nhắc nhở nhiều lần.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác nhận ngày 31/12/2022 Công ty 620 có trả cho Công ty CC1 số tiền gốc là 30.000.000đồng nên đồng ý trừ lại số tiền nợ từ hợp đồng mua bán 2.047.399.975đồng, số tiền còn nợ lại tổng cộng là 2.398.640.832đồng (bao gồm tiền gốc 2.017.399.975đồng và tiền lãi tính đến ngày 03/5/2022 là 381.240.857đồng). Việc tính lãi căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Hợp đồng nguyên tắc số 1206 thì “...trường hợp Công ty 620 (bên A) không thanh toán theo như thỏa thuận ở Điều 4 cho Công ty CC1 (bên B) thì bên A sẽ chịu phạt lãi suất chậm trả 8,5%/năm trên số ngày chậm thanh toán...” và căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Hợp đồng nguyên tắc số 01012021 “...trường hợp Công ty 620 (bên A) không thanh toán theo như thỏa thuận ở Điều 4 cho Công ty CC1 (bên B), bên A sẽ phải trả cho bên B lãi suất trả chậm theo lãi suất vay ngân hàng của bên B tại thời điểm thanh toán cho số tiền chậm thanh toán nhưng không được vượt quá 15 ngày làm việc kể từ ngày quá hạn thanh toán...”

Căn cứ vào các hợp đồng nguyên tắc nêu trên nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty 620 thanh toán cho Công ty CC1 tổng cộng là 2.398.640.832đồng (bao gồm tiền gốc 2.017.399.975đồng và tiền lãi tính đến ngày 03/5/2022 là 381.240.857đồng), ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng 620, do ông Nguyễn Văn Tài và bà Nguyễn Thị Xin là người đại diện theo ủy quyền cùng thống nhất trình bày tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Đại diện bị đơn thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về việc giữa hai bên có ký các hợp đồng nguyên tắc số: 1206/18/HĐNT/HT620-CC1 ngày 12/6/2018 và Hợp đồng nguyên tắc số: 01012021/18/HĐNT/HT620-CC1 ngày 01/01/2021 về việc mua bán vật liệu xây dựng. Do tình hình Công ty đang gặp khó khăn nên không thanh toán đúng hạn cho Công ty CC1. Đến ngày 04/8/2020 thì hai bên đã thống nhất đối chiếu công nợ theo đó Công ty 620 còn nợ Công ty CC1 là 2.552.028.360 đồng và theo Công văn số 02-0305/2022/CV/BP.CU-HT620 ngày 03/5/2022 về việc cam kết thanh toán công nợ thì Công ty 620 xác nhận đến ngày 03/5/2022, công nợ quá hạn giữa Công ty 620 và Công ty CC1 là 2.428.640.832 đồng. Sau đó Công ty có thanh toán một phần tiền cho Công ty CC1 nên chỉ còn nợ 2.047.399.975 đồng, ngày 31/12/2022 Công ty có trả thêm 30.000.000 đồng, về tiền lãi thống nhất theo lãi Công ty CC1 đã tính nên hiện còn nợ lại tổng cộng gốc và lãi là 2.398.640.832 đồng. (bao gồm tiền gốc 2.017.399.975 đồng và tiền lãi tính đến ngày 03/5/2022 là 381.240.857 đồng).

Công ty thống nhất còn nợ Công ty CC1 số tiền là 2.398.640.832 đồng. Hiện tại Công ty vẫn đang hoạt động nhưng do gặp khó khăn về tài chính và Công ty không thu hồi được nợ từ việc nhận vật liệu xây dựng từ Công ty CC1 để cung cấp cho các Công ty khác nên phương pháp trả nợ mỗi tháng 100.000.000 đồng của Công ty vẫn không thực hiện. Nay Công ty 620 xin đưa ra phương án trả nợ mỗi tháng 100.000.000 đồng cho Công ty CC1 từ mỗi đợt nghiệm thu công trình từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình cầu Rạch Miễu 2 nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre được ký kết giữa Công ty 620 và Công ty CC1 vào tháng 5/2022. Ngoài ra Công ty không còn nguồn thu nào khác để thanh toán nợ nêu trên nên mong Công ty CC1 chấp nhận và xin không tính lãi đối với số tiền nợ gốc từ đầu năm 2021 cho đến nay, nếu Công ty CC1 không đồng ý thì Công ty cũng thống nhất theo mức lãi suất mà hợp đồng hai bên đã ký để tính lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện cho: nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như trên; không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu chứng cứ. Nguyên đơn xác định căn cứ vào hợp đồng nguyên tắc có việc thỏa thuận lãi và Công ty CC1 cũng thừa nhận khoản lãi nêu trên nên buộc phải tính lãi như đã thỏa thuận. Về phương pháp trả thì Công ty CC1 không đồng ý vì Hợp đồng thi công xây dựng công trình cầu Rạch Miễu 2 nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre được ký kết giữa Công ty 620 và Công ty CC1 vào tháng 5/2022 không liên quan vụ kiện này.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm về vụ án như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực

hiện đầy đủ trình tự tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan, nên hình thức tố tụng Viện kiểm sát thấy đủ điều kiện và hợp pháp theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự và tranh luận tại phiên tòa hôm nay và qua đối chiếu với quy định pháp luật, xét thấy:

Căn cứ các chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng nguyên tắc số 1206/18/HĐNT/HT620-CC1 ngày 12/6/2018 và Hợp đồng nguyên tắc số 0101/2021/HĐNT/HT620-CC1 ngày 01/01/2021 về việc mua bán vật liệu xây dựng, Văn bản số 02- 0305/2022/CV/BP.CU-HT620 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng 620 thể hiện giữa Công ty CC1 và Công ty hạ tầng 620 có xác lập hợp đồng mua bán hàng hóa là vật liệu xây dựng, Công ty CC1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hợp đồng giao hàng hóa là vật liệu xây dựng cho Công ty hạ tầng 620 theo đúng thỏa thuận nhưng Công ty hạ tầng 620 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CC1. Tại văn bản số 02-0305/2022/CV/BP.CU-HT620 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng 620 xác nhận công nợ với Công ty CC1 tính đến ngày 03/5/2022 là 2.428.640.832 đồng, ngày 31/12/2022 Công ty hạ tầng 620 có thanh toán cho CC1 số tiền 30.000.000 đồng. Do đó việc Công ty CC1 khởi kiện yêu cầu Công ty hạ tầng 620 trả số tiền còn lại là 2.398.640.832 đồng là có căn cứ theo Điều 50 Luật Thương mại năm 2005. Công ty hạ tầng 620 xin không tính lãi suất từ năm 2021 – 2022 nhưng Công ty CC1 không chấp nhận nên không có căn cứ xem xét.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Công ty CC1 có ký các Hợp đồng nguyên tắc số 1206 và Hợp đồng nguyên tắc số 0101/2021 với bị đơn Công ty 620 về việc mua bán vật liệu xây dựng. Bị đơn Công ty 620 có trụ sở tại xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cần Đức, được pháp luật quy định tại các Điều 30; 35 và 36 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Về hình thức của hợp đồng: Hợp đồng nguyên tắc số: 1206/18/HĐNT/HT620-CC1 ngày 12/6/2018 và Hợp đồng nguyên tắc số: 0101/2021/HĐNT/HT620-CC1 ngày 01/01/2021 về việc mua bán vật liệu xây dựng giữa Công ty CC1 với Công ty 620 là hợp đồng bằng văn bản và do người đại diện theo pháp luật của pháp nhân tham gia ký kết hợp đồng. Như vậy, hình thức của hợp đồng nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Nguyên đơn Công ty CC1 yêu cầu Công ty 620 trả số tiền từ việc mua bán vật liệu xây dựng là 2.047.399.975 đồng. Tại phiên tòa đại diện nguyên

đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ buộc bị đơn trả số tiền 2.017.399.975đồng do Công ty 620 đã trả 30.000.000đồng vào ngày 31/12/2022. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc số 1206 và Hợp đồng nguyên tắc số 01012021 giữa hai bên đã ký kết thì các bên đều thống nhất Công ty CC1 đã giao thép xây dựng và các vật tư khác theo từng đơn đặt hàng cho Công ty 620. Công ty CC1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hợp đồng giao hàng hóa cho Công ty 620 theo thỏa thuận nhưng Công ty 620 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CC1. Đến ngày 04/8/2020 giữa hai bên đã thống nhất đối chiếu công nợ và theo Công văn số 02-0305/2022/CV/BP.CU-HT620 ngày 03/5/2022 thì người đại diện theo pháp luật của Công ty 620 xác nhận đến ngày 03/5/2022, công nợ quá hạn giữa Công ty 620 và Công ty CC1 là 2.428.640.832đồng. Sau đó, Công ty 620 có thanh toán một phần số nợ nên hiện còn thiếu lại số tiền là 2.047.399.975đồng. Công ty 620 hẹn từ tháng 5/2022 công ty sẽ thanh toán tối thiểu 100.000.000đồng/tháng để xử lý phần công nợ giữa hai bên. Tuy nhiên, từ khi hẹn đến nay Công ty 620 vẫn không thực hiện đúng như cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Công ty CC1. Về phương thức trả, Công ty 620 đưa ra là trả nợ mỗi tháng 100.000.000đồng cho Công ty CC1 từ mỗi đợt nghiệm thu công trình từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình cầu Rạch Miễu 2 nối tỉnh Tiền Giang và tỉnh Bến Tre được ký kết giữa Công ty 620 và Công ty CC1 vào tháng 5/2022 nhưng không được phía đại diện nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn và bị đơn đều xác định ngày 31/12/2022 Công ty 620 có trả cho Công ty CC1 số tiền gốc là 30.000.000đồng nên đồng ý trừ lại số tiền nợ từ hợp đồng mua bán 2.047.399.975đồng, số tiền còn nợ lại là 2.017.399.975đồng nên buộc Công ty 620 phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho Công ty CC1.

[2.3]. Nguyên đơn Công ty CC1 yêu cầu Công ty 620 trả số tiền lãi từ việc mua bán vật liệu xây dựng tính đến ngày 03/5/2022 là 381.240.857đồng. Tại phiên tòa đại diện bị đơn xin không tính lãi từ đầu năm 2021 đến nay nhưng căn cứ vào các Hợp đồng nguyên tắc số 1206 và Hợp đồng nguyên tắc số 01012021 được ký kết giữa Công ty CC1 yêu cầu Công ty 620 thì theo khoản 1 Điều 5 của Hợp đồng nguyên tắc số 1206 thì *“...trường hợp Công ty 620 (bên A) không thanh toán theo như thỏa thuận ở Điều 4 cho Công ty CC1 (bên B) thì bên A sẽ chịu phạt lãi suất chậm trả 8,5%/năm trên số ngày chậm thanh toán...”* và căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Hợp đồng nguyên tắc số 01012021 *“...trường hợp Công ty 620 (bên A) không thanh toán theo như thỏa thuận ở Điều 4 cho Công ty CC1 (bên B), bên A sẽ phải trả cho bên B lãi suất trả chậm theo lãi suất vay ngân hàng của bên B tại thời điểm thanh toán cho số tiền chậm thanh toán nhưng không được vượt quá 15 ngày làm việc kể từ ngày quá hạn thanh toán...”*. Căn cứ vào các hợp đồng nguyên tắc nêu trên nên yêu cầu trả lãi của Công ty CC1 là có căn cứ chấp nhận. Buộc Công ty 620 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CC1 theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại tổng cộng là 2.398.640.832đồng (bao gồm tiền gốc 2.017.399.975đồng và tiền lãi tính đến ngày 03/5/2022 là 381.240.857đồng).

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí.

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Công ty CC1. Buộc bị đơn Công ty 620 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 79.973.000đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[4]. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 30, 35, 36, 39, 147, 244, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 430 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 24, 50, 55, 306 của Luật thương mại năm 2005;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa của nguyên đơn Tổng Công ty xây dựng số 1 - CTCP đối với bị đơn Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng 620.

Buộc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng 620 có trách nhiệm hoàn trả cho Tổng Công ty xây dựng số 1 - CTCP số tiền tổng cộng là 2.398.640.832đồng (bao gồm tiền gốc 2.017.399.975đồng và tiền lãi tính đến ngày 03/5/2022 là 381.240.857đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng 620 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng nguyên tắc số: 1206/18/HĐNT/HT620-CC1 ngày 12/6/2018 và Hợp đồng nguyên tắc số: 01012021/18/HĐNT/HT620-CC1 ngày 01/01/2021.

[2]. Về án phí:

[2.1]. Buộc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng 620 phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước, tổng số tiền là 79.973.000đồng.

[2.2]. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho Tổng Công ty xây dựng số 1 - CTCP là 40.286.000 đồng theo biên lai thu số 0004736 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đước.

[3]. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[4]. Về thời hiệu thi hành án:

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- Chi cục THADS huyện Cần Đước;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

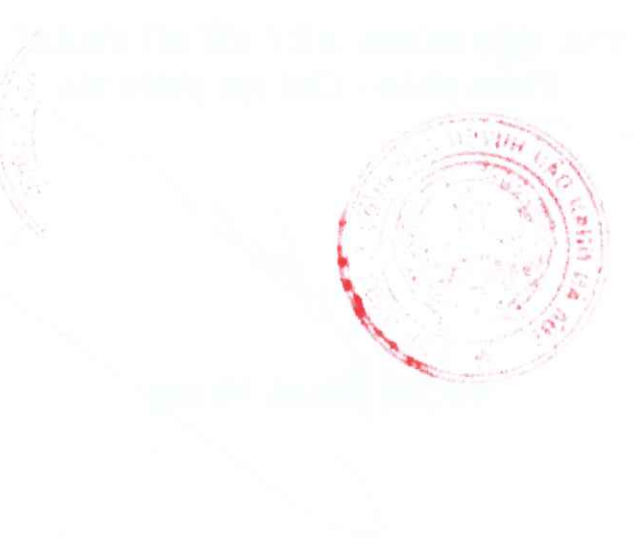


Võ Thị Thanh Nhung

1. In order to be able to use the system, the user must first create a profile. This is done by entering a valid email address and a secure password. The system will then send a confirmation email to the user's email address. The user must click on the link in the email to activate their profile.

2. Once the profile is activated, the user can log in to the system. The system will prompt the user to enter their email address and password. If the user enters the correct information, they will be logged in successfully.

3. The user can then use the system to perform various tasks. For example, they can create a new document, edit an existing document, or delete a document. The system will provide the user with a list of documents that they have created or edited. The user can also search for documents by keyword or date.



4. The user can also use the system to manage their profile. They can change their password, update their email address, or delete their profile. The system will provide the user with a list of their profile information.